

Số: /NQ-HĐND

Minh Hóa, ngày tháng năm 2026

(DỰ THẢO)

NGHỊ QUYẾT

**Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 và năm 2026
nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây
dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế-xã hội vùng
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ MINH HÓA
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2025/QH15;

*Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật
Đầu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật
Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật
Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê
duyet chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn
mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc
thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số
275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung
một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về
quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng
Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương
và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu
quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã
hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1160/QĐ-TTg ngày 29/6/2026 của Thủ tướng Chính
phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai
đoạn 2026-2030 của các chương trình mục tiêu quốc gia (đợt 1) cho các bộ, cơ
quan trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố;*

*Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông
nghiệp và Môi trường về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây
dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng*

đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1278/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2026 (đợt 2) cho các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2026/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết 30/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (đợt 1) và năm 2026 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Căn cứ Quyết định số 3103/QĐ-UBND ngày 30/7/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026-2030 và năm 2026 vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2026 của UBND xã Minh Hóa về việc thông qua Nghị quyết phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 và năm 2026 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Nghị quyết quyết phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 và năm 2026 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cụ thể:

- Phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030: 29.110 triệu đồng.
(Có chi tiết phụ lục 01 kèm theo).
- Phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2026: 3.088,5 triệu đồng.
(Chi tiết có phụ lục 02 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết này, kịp thời phân bổ chi tiết nguồn vốn được giao và triển khai thực hiện giải ngân nguồn vốn đảm bảo theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Minh Hóa khóa II, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày tháng 9 năm 2026 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh Quảng Trị;
 - UBND tỉnh Quảng Trị;
 - Sở Tài chính;
 - Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch;
 - Ban Thường vụ Đảng ủy;
 - Thường trực HĐND xã;
 - Chủ tịch, các PCT UBND xã;
 - UBMTTQVN xã và các đoàn thể xã;
 - Các đại biểu HĐND xã;
 - Các phòng, ban, đơn vị cấp xã;
 - KBNN KV XII - Phòng GD số 5;
 - Lưu: VT.
- (để b/c)

CHỦ TỊCH

Bùi Anh Tuấn

PHỤ LỤC 01

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của HĐND xã Minh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn 2026-2030	Ghi chú
	TỔNG CỘNG (A+B)			30.556,6	29.110,0	
A	HỢP PHẦN THỨ NHẤT: CÁC NỘI DUNG CHUNG THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN CẢ NƯỚC			26.156,6	25.497,0	
I	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu			26.156,6	25.497,0	
	<i>Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông (bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông) phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, thôn (Mã CTMTQG: 11103)</i>			22.786,6	22.127,0	
a	Công trình chuyển tiếp			1.200,0	540,4	
1	Xây dựng đường nghĩa địa thôn Yên Hồng	Thôn Yên Hồng, xã Minh Hóa	2026-2027	1.200,0	540,4	Năm 2026 đã bố trí vốn NTM 2025 kéo dài sang 2026: 659,6 triệu đồng
b	Công trình Xây mới			21.586,6	21.586,6	
1	Xây dựng đường nghĩa địa thôn Ba Nương (từ nhà bà Các đi khu nghĩa địa thôn Cây Dầu cũ)	Thôn Ba Nương, xã Minh Hóa	2026-2028	700,0	700,0	

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn 2026-2030	Ghi chú
2	Xây dựng đường vào nghĩa địa thôn Hồng Minh (tuyến nghĩa địa TDP7 cũ)	Thôn Hồng Minh, xã Minh Hóa	2026-2028	800,0	800,0	
3	Xây dựng đường vào nghĩa địa thôn Ba Nương (tuyến từ Bà Ninh đến Sọt Lầy thôn Tân Xuân cũ và tuyến từ nhà ông Sỹ đến khu nghĩa địa thôn Ba Nương cũ)	Thôn Ba Nương, xã Minh Hóa	2026-2028	1.000,0	1.000,0	
4	Xây dựng đường giao thông nông thôn Hồng Hóa (đoạn từ sau Trường THCS Hồng Hóa đến nhà ông Diên)	Thôn Hồng Hóa, xã Minh Hóa	2026-2028	550,0	550,0	
5	Xây dựng đường giao thông nông thôn thôn Yên Đức	Thôn Yên Đức, xã Minh Hóa	2026-2028	1.200,0	1.200,0	Tuyến đường thôn Yên Định cũ
6	Xây dựng đường vào nghĩa địa thôn Thanh Long	Thôn Thanh Long, xã Minh Hóa	2026-2027	220,0	220,0	Tuyến đường nghĩa địa TDP8 cũ
7	Xây dựng đường vào nghĩa địa thôn Hợp Lợi (từ nhà văn hóa đến khu nghĩa địa)	Thôn Hợp Lợi, xã Minh Hóa	2026-2028	1.000,0	1.000,0	Thôn Cầu Lợi cũ
8	Sửa chữa, nâng cấp đường vào Trường MN số 1 Minh Hóa (điểm thôn Thanh Long)	Thôn Thanh Long, xã Minh Hóa	2026-2028	600,0	600,0	
9	Xây dựng đường vào nghĩa địa thôn Tân Kiều (thôn Tân Sơn cũ)	Thôn Tân Kiều, xã Minh Hóa	2027-2030	1.000,0	1.000,0	
10	Xây dựng đường GTNT thôn Minh Tiến	Thôn Minh Tiến, xã Minh Hóa	2027-2030	1.680,0	1.680,0	

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn 2026-2030	Ghi chú
11	Xây dựng đường vào nghĩa địa thôn Phong Hóa (từ đường bê tông vào khu nghĩa địa thôn Rồồng cũ)	Thôn Phong Hóa, xã Minh Hóa	2027-2030	700,0	700,0	
12	Xây dựng đường vào nghĩa địa thôn Yên Hóa (Tuyến 1: Đường nghĩa địa Bầu Rằng đi vùng Bún (gđ 2); Tuyến 2: Đường nghĩa địa từ nhà ông Đinh Đức Quyền đi vùng Bún)	Thôn Yên Hóa, xã Minh Hóa	2027-2030	850,0	850,0	
13	Xây dựng đường vào nghĩa địa thôn Hồng Minh (Điểm Nhà hàng Chinh Hiền đi Trường THPT Minh Hóa (bao gồm nhánh rẽ nối Quốc lộ 12a	Thôn Hồng Minh, xã Minh Hóa	2027-2029	1.932,0	1.932,0	tuyến TDP6 cũ
14	Xây dựng đường GTNT thôn Hồng Minh (từ nhà ông Ba đi đường nghĩa địa (Tổ dân phố 6 cũ)	Thôn Hồng Minh, xã Minh Hóa	2027-2030	560,0	560,0	
15	Xây dựng đường nghĩa địa từ Nhà hàng Chinh Hiền đi Đập Ba Nương thôn Hồng Minh	Thôn Hồng Minh, xã Minh Hóa	2027-2030	5.034,6	5.034,6	tuyến TDP6 cũ
16	Xây dựng đường GTNT thôn Tiến Hóa (Tuyến 1: Từ nhà ông Tiềm đến nhà bà Liên; Tuyến 2: từ nhà ông Thanh đến QL12C)	Thôn Tiến Hóa, xã Minh Hóa	2027-2030	1.100,0	1.100,0	
17	Xây dựng đường giao thông từ nhà anh Thùy đến nhà anh Bắc, thôn Tiến Hóa	Thôn Tiến Hóa, xã Minh Hóa	2027-2030	560,0	560,0	
18	Xây dựng đường giao thông từ nhà ông Lê đến nhà bà Thơm, thôn Tiến Hóa	Thôn Tiến Hóa, xã Minh Hóa	2027-2030	600,0	600,0	

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn 2026-2030	Ghi chú
	Nội dung 02: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng công trình thủy lợi theo hướng đồng bộ, hiện đại, khép kín, linh hoạt, phù hợp với đặc thù từng vùng, miền, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Trong đó, tập trung, ưu tiên đầu tư công trình thủy lợi cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu. (Mã CTMTQG: 12103)			3.370,0	3.370,0	
1	Nâng cấp, sửa chữa kênh mương thôn Quy Đạt (đoạn từ nhà anh Duy đến nhà ông Trác)	Thôn Quy Đạt, xã Minh Hóa	2026-2028	880,0	880,0	Kênh bê tông TDP5 cũ
2	Nâng cấp, sửa chữa kênh mương thôn Hồng Hóa	Thôn Hồng Hóa, xã Minh Hóa	2026-2028	780,0	780,0	Thôn Quảng Hóa cũ và thôn Yên Hồng cũ
3	Sửa chữa đập Hói Tâm và kênh mương thôn Tiến Hóa	Thôn Tiến Hóa, xã Hồng Hóa	2026-2028	600,0	600,0	
4	Xây dựng đường nội đồng và kênh mương thôn Minh Tiến	Thôn Minh Tiến, xã Minh Hóa	2027-2030	1.110,0	1.110,0	Kênh tưới cấp I
B	HỢP PHẦN THỨ HAI: CÁC NỘI DUNG ĐẶC THÙ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN			4.400,0	3.613,0	
	Nội dung 04: Đầu tư xây dựng, cải tạo thiết chế văn hóa, thể thao và đầu tư trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN. (Mã CTMTQG: 14119)			4.400,0	3.613,0	

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn 2026-2030	Ghi chú
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Minh Xuân	Thôn Minh Xuân, xã Minh Hóa	2026-2028	1.900,0	1.113,0	Lồng ghép Nguồn vốn Phát triển văn hóa năm 2026: 787 triệu;
2	Xây dựng nhà văn hóa thôn Phong Hóa	Thôn Phong Hóa, xã Minh Hóa	2026-2028	2.500,0	2.500,0	

PHỤ LỤC 02

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của HĐND xã Minh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn 2026	Ghi chú
	TỔNG CỘNG A+B)			10.830,0	3.088,5	
A	HỢP PHẦN THỨ NHẤT: CÁC NỘI DUNG CHUNG THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN CẢ NƯỚC			8.330,0	2.538,5	
I	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu			8.330,0	2.538,5	
	<i>Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông (bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông) phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, thôn (Mã CTMTQG: 11103)</i>			6.070,0	1.894,5	
1	Xây dựng đường nghĩa địa thôn Ba Nương (từ nhà bà Các đi khu nghĩa địa thôn Cây Dầu cũ)	Thôn Ba Nương, xã Minh Hóa	2026-2028	700,0	210,0	
2	Xây dựng đường vào nghĩa địa thôn Hồng Minh (tuyến nghĩa địa TDP7 cũ)	Thôn Hồng Minh, xã Minh Hóa	2026-2028	800,0	200,0	
3	Xây dựng đường vào nghĩa địa thôn Ba Nương (tuyến từ Bà Ninh đến Sọt Lầy thôn Tân Xuân cũ và tuyến từ nhà ông Sỹ đến khu nghĩa địa thôn Ba Nương cũ)	Thôn Ba Nương, xã Minh Hóa	2026-2028	1.000,0	300,0	

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn 2026	Ghi chú
4	Xây dựng đường giao thông nông thôn Hồng Hóa (đoạn từ sau Trường THCS Hồng Hóa đến nhà ông Diên)	Thôn Hồng Hóa, xã Minh Hóa	2026-2028	550,0	180,0	
5	Xây dựng đường giao thông nông thôn thôn Yên Đức	Thôn Yên Đức, xã Minh Hóa	2026-2028	1.200,0	350,0	tuyến đường thôn Yên Định cũ
6	Xây dựng đường vào nghĩa địa thôn Thanh Long	Thôn Thanh Long, xã Minh Hóa	2026-2027	220,0	150,0	Tuyến đường nghĩa địa TDP8 cũ
7	Xây dựng đường vào nghĩa địa thôn Hợp Lợi (từ nhà văn hóa đến khu nghĩa địa)	Thôn Hợp Lợi, xã Minh Hóa	2026-2028	1.000,0	300,0	Thôn Cầu Lợi cũ
8	Sửa chữa, nâng cấp đường vào Trường MN số 1 Minh Hóa (điểm thôn Thanh Long)	Thôn Thanh Long, xã Minh Hóa	2026-2028	600,0	204,5	
	Nội dung 02: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng công trình thủy lợi theo hướng đồng bộ, hiện đại, khép kín, linh hoạt, phù hợp với đặc thù từng vùng, miền, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Trong đó, tập trung, ưu tiên đầu tư công trình thủy lợi cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu. (Mã CTMTQG: 12103)			2.260,0	644,0	
1	Nâng cấp, sửa chữa kênh mương thôn Quy Đạt (đoạn từ nhà anh Duy đến nhà ông Trác)	Thôn Quy Đạt, xã Minh Hóa	2026-2028	880,0	264,0	Kênh bê tông TDP5 cũ

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn 2026	Ghi chú
2	Nâng cấp, sửa chữa kênh mương thôn Hồng Hóa	Thôn Hồng Hóa, xã Minh Hóa	2026-2028	780,0	200,0	Thôn Quảng Hóa cũ và thôn Yên Hồng cũ
3	Sửa chữa đập Hói Tâm và kênh mương thôn Tiến Hóa	Thôn Tiến Hóa, xã Hồng Hóa	2026-2028	600,0	180,0	
B	HỢP PHẦN THỨ HAI: CÁC NỘI DUNG ĐẶC THÙ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN			2.500,0	550,0	
	Nội dung 04: Đầu tư xây dựng, cải tạo thiết chế văn hóa, thể thao và đầu tư trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN. (Mã CTMTQG: 14119)			2.500,0	550,0	
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Phong Hóa	Thôn Phong Hóa, xã Minh Hóa	2026-2028	2.500,0	550,0	